



# DÙNG SẢN PHẨM CỦA CHÚNG TÔI BẠN SẼ TIẾT KIỆM ĐIỆN & NHÂN CÔNG



## Lưỡi cưa TCT dùng cho máy xẻ TCT Saw Blades for Multirip Machines

**Vật liệu:** Gỗ thô tự nhiên

**Ứng dụng:** Cưa nhiều lưỡi xẻ gỗ thô tự nhiên

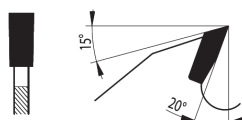
**Loại máy:** Máy xẻ nhiều lưỡi, trục đơn và trục đôi và máy cắt

**Material:** Natural solid wood

**Application:** Multirip sawing of massive natural woods

**Machine:** Multi-rip saw, for single shaft, double shaft and splitting machine

### 94 FZ +2

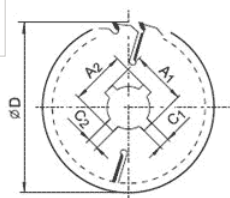


#### Đặc điểm:

- Cắt dọc gỗ mềm và gỗ cứng
- Máy tự động đưa nguyên liệu vào

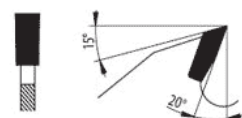
#### Characteristics:

- Longitudinal cuts of soft and hard woods
- Machine feed



| D   | B   | b   | d          | z    | h <sub>max</sub> | d <sub>p max</sub> | ●/○ | Opening | C <sub>1</sub> x A <sub>1</sub> | C <sub>2</sub> x A <sub>2</sub> |
|-----|-----|-----|------------|------|------------------|--------------------|-----|---------|---------------------------------|---------------------------------|
| 180 | 2,6 | 1,6 | 30         | 16+2 | 30               | 80                 | ●   | 70      | 13x80                           | 20x83                           |
| 200 | 2,8 | 1,8 | 30         | 16+2 | 35               | 100                | ●   | 75      | 13x80                           | 20x83                           |
| 250 | 3,6 | 2,5 | 70, 80     | 16+2 | 50               | 130                | ●   | 80      | 14x90                           | 22x93                           |
| 300 | 4,0 | 2,8 | 70, 80     | 18+2 | 70               | 130                | ●   |         |                                 |                                 |
| 315 | 4,0 | 2,8 | 80         | 18+2 | 80               | 130                | ●   |         |                                 |                                 |
| 350 | 4,0 | 2,8 | 70, 75, 80 | 20+2 | 100              | 135                | ●   |         |                                 |                                 |
| 400 | 4,0 | 2,8 | 70, 80     | 20+2 | 110              | 185                | ●   |         |                                 |                                 |

### 94.1 FZ +2+2

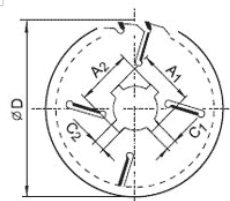


#### Đặc điểm:

- Cắt dọc gỗ mềm và gỗ cứng
- Máy tự động đưa nguyên liệu vào

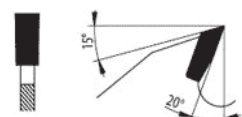
#### Characteristics:

- Longitudinal cuts of soft and hard woods
- Machine feed



| D   | B   | b   | d          | z      | h <sub>max</sub> | d <sub>p max</sub> | ●/○ | Opening | C <sub>1</sub> x A <sub>1</sub> | C <sub>2</sub> x A <sub>2</sub> |
|-----|-----|-----|------------|--------|------------------|--------------------|-----|---------|---------------------------------|---------------------------------|
| 250 | 3,2 | 2,2 | 70, 80     | 16+2+2 | 65               | 105                | ●   | 70      | 13x80                           | 20x83                           |
| 300 | 3,2 | 2,2 | 70, 80     | 18+2+2 | 85               | 120                | ●   | 75      | 13x80                           | 20x83                           |
| 300 | 3,2 | 2,2 | 30         | 24+2+2 | 85               | 120                | ●   | 80      | 14x90                           | 22x93                           |
| 315 | 3,2 | 2,2 | 70, 80     | 18+2+2 | 90               | 120                | ●   |         |                                 |                                 |
| 350 | 3,6 | 2,5 | 70, 75, 80 | 20+2+2 | 110              | 120                | ●   |         |                                 |                                 |
| 350 | 3,6 | 2,5 | 30         | 24+2+2 | 110              | 120                | ●   |         |                                 |                                 |
| 400 | 4,0 | 2,8 | 30         | 18+2+2 | 120              | 145                | ●   |         |                                 |                                 |
| 400 | 4,0 | 2,8 | 70, 80     | 24+2+2 | 120              | 145                | ●   |         |                                 |                                 |
| 450 | 4,4 | 3,2 | 70, 80     | 20+2+2 | 140              | 160                | ●   |         |                                 |                                 |
| 450 | 4,4 | 3,2 | 30         | 28+2+2 | 140              | 160                | ●   |         |                                 |                                 |
| 500 | 4,4 | 3,2 | 30         | 22+2+2 | 155              | 180                | ●   |         |                                 |                                 |
| 500 | 4,4 | 3,2 | 70         | 28+2+2 | 155              | 180                | ●   |         |                                 |                                 |

### 94.2 LFZ



#### Đặc điểm:

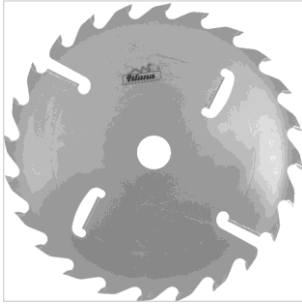
- Cắt dọc gỗ mềm và gỗ cứng
- Kết hợp bào, xẻ, cưa khớp nổi
- Cấu trúc lưỡi cưa có rãnh hạn chế phoi

#### Characteristics:

- Longitudinal cuts of soft and hard woods
- Trimming saw, multi-rip, joining saw
- Saw blade geometry includes a chip thickness limiter

| D   | B   | b   | d  | z      | h <sub>max</sub> | d <sub>p max</sub> | ●/○ |
|-----|-----|-----|----|--------|------------------|--------------------|-----|
| 250 | 3,2 | 2,2 | 30 | 18+3   | 60               | 115                | ●   |
| 300 | 3,2 | 2,2 | 30 | 18+3   | 75               | 130                | ●   |
| 350 | 3,6 | 2,5 | 30 | 20+2+2 | 100              | 105                | ●   |
| 400 | 4,0 | 2,8 | 30 | 24+2+2 | 120              | 120                | ●   |

## 94.1 WZ

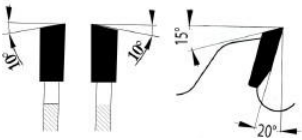


### Đặc điểm:

- Lưỡi xẻ đa năng dùng cắt dọc thớ tất cả các loại gỗ khô và gỗ tươi, chất lượng vết cắt tiêu chuẩn.
- Răng cưa dạng WZ đảm bảo độ mịn và tính ổn định trong quá trình cắt, chất lượng vết cắt cao và tiết kiệm năng lượng
- Sử dụng cho máy xẻ chế biến gỗ và sản xuất tấm gỗ pallet

### Characteristics:

- Universal rip saw blades for longitudinal cutting of all types of wood, dry and wet, with a standard quality of the cutting edge
- WZ geometry ensures fluent and stable cut with high quality cutting edge and energy savings
- Used in multirip saw machines for primary wood processing and production of palets
- Suitable for mounting on bottom shaft of multirip saw machine



| D   | B   | b   | d  | z        | h <sub>max</sub> | d <sub>p max</sub> | ●/○ |
|-----|-----|-----|----|----------|------------------|--------------------|-----|
| 300 | 3,2 | 2,2 | 30 | 24+2+2   | 85               | 120                | ●   |
| 350 | 4,0 | 2,8 | 30 | 24+2+2   | 110              | 120                | ●   |
| 400 | 4,0 | 2,8 | 30 | 28+2+2+2 | 130              | 125                | ●   |

## 94.1 FZ - MASSIVE

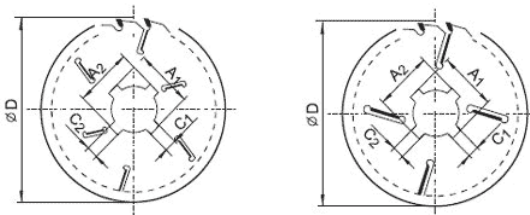
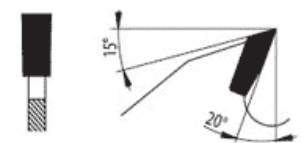


### Đặc điểm:

- Cắt các loại gỗ khô và tươi theo tiêu chuẩn. Lưỡi cưa thiết kế cắt trong điều kiện tốt nhất.
- Dùng cho máy xẻ nhiều lưỡi

### Characteristics:

- Extra- strong rip saw blades for longitudinal cutting of all types of wood, dry and wet, with a standard quality of the cutting edge. They are designed for extreme cutting conditions
- Usage: For multirip machines



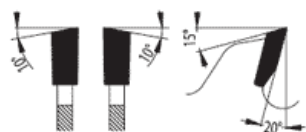
| D   | B   | b   | d          | z          | h <sub>max</sub> | d <sub>p max</sub> | Opening | C <sub>1</sub> x A <sub>1</sub> | C <sub>2</sub> x A <sub>2</sub> | ●/○ |
|-----|-----|-----|------------|------------|------------------|--------------------|---------|---------------------------------|---------------------------------|-----|
| 315 | 4,0 | 2,8 | 70, 80     | 18+2+2     | 90               | 120                | 70      | 13x80                           | 20x83                           | ●   |
| 350 | 4,0 | 2,8 | 70, 75, 80 | 20+2+2     | 110              | 120                | 75      | 13x80                           | 20x83                           | ●   |
| 400 | 4,2 | 3,0 | 30         | 20+2+2     | 120              | 145                | 80      | 14x90                           | 22x93                           | ●   |
| 450 | 5,0 | 3,5 | 30         | 20+2+2     | 140              | 160                |         |                                 |                                 |     |
| 500 | 5,0 | 3,5 | 30         | 22+2+2+2   | 180              | 130                |         |                                 |                                 |     |
| 550 | 5,5 | 3,5 | 30         | 24+2+2+2   | 195              | 150                |         |                                 |                                 |     |
| 600 | 6,2 | 4,0 | 30         | 26+2+2+2   | 210              | 170                |         |                                 |                                 |     |
| 700 | 6,5 | 4,5 | 30         | 28+2+2+2   | 240              | 210                |         |                                 |                                 |     |
| 800 | 7,5 | 5,0 | 30         | 24+2+2+2+2 | 310              | 170                |         |                                 |                                 |     |



## DÙNG SẢN PHẨM CỦA CHÚNG TÔI BẠN SẼ TIẾT KIỆM ĐIỆN & NHÂN CÔNG



### 94.1 FZ - MASSIVE plus



#### Đặc điểm:

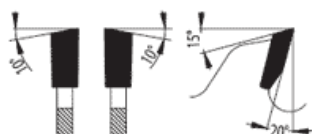
- Cắt các loại gỗ khô và tươi theo tiêu chuẩn. Lưỡi cưa thiết kế cắt trong điều kiện tốt nhất.
- Dùng cho máy xẻ nhiều lưỡi

#### Characteristics:

- Extra-strong rip saw blades for longitudinal cutting of all types of wood, dry and wet, with a standard quality of the cutting edge. They are designed for extreme cutting conditions
- Usage: For multirip machines

| D   | B   | b   | d  | z      | h <sub>max</sub> | d <sub>p max</sub> | ●/○ |
|-----|-----|-----|----|--------|------------------|--------------------|-----|
| 300 | 5,0 | 3,5 | 30 | 18+2+2 | 90               | 105                | ●   |
| 320 | 5,0 | 3,5 | 30 | 18+2+2 | 100              | 105                | ●   |
| 350 | 5,0 | 3,5 | 30 | 18+2+2 | 115              | 105                | ●   |

### 94.1 WZ - EFFECTIVE



#### Đặc điểm:

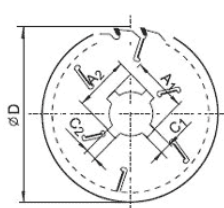
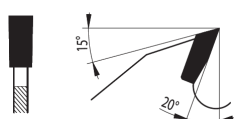
- Lưỡi cưa mỏng cắt dọc mọi loại gỗ, đặc biệt là gỗ ván và gỗ ép cứng. Sử dụng loại cưa này làm giảm sự lãng phí năng lượng và tăng năng suất cắt.
- Răng cưa dạng WZ đảm bảo độ mịn và tính ổn định trong quá trình cắt. Thích hợp sử dụng với gỗ chất lượng cao.
- Cách dùng: Cho máy xẻ nhiều lưỡi

#### Characteristics:

- Thin multirip saw blades for longitudinal cutting of all types of wood, especially planks and stronger boards. The decrease of the waste will efficiently show in energy savings and increased yield
- WZ tooth geometry ensures a smooth, stable cut with a superior quality of the cutting edge, it is suitable for use with a higher quality wood
- Usage: For multirip machines

| D   | B   | b   | d  | z        | h <sub>max</sub> | d <sub>p max</sub> | ●/○ |
|-----|-----|-----|----|----------|------------------|--------------------|-----|
| 250 | 2,7 | 1,8 | 30 | 20+2+2   | 65               | 110                | ●   |
| 300 | 2,7 | 1,8 | 30 | 24+2+2   | 85               | 120                | ●   |
| 350 | 3,5 | 2,5 | 30 | 24+2+2+2 | 110              | 120                | ●   |

### 94.1 FZ +2+2+2



#### Đặc điểm:

- Cắt dọc gỗ mềm và gỗ cứng
- Máy tự động đưa nguyên liệu vào

#### Characteristics:

- Longitudinal cuts of soft and hard woods
- Machine feed

| D   | B   | b   | d  | z        | h <sub>max</sub> | d <sub>p max</sub> | ●/○ | Opening | C <sub>1</sub> x A <sub>1</sub> | C <sub>2</sub> x A <sub>2</sub> |
|-----|-----|-----|----|----------|------------------|--------------------|-----|---------|---------------------------------|---------------------------------|
| 400 | 4,0 | 2,8 | 30 | 24+2+2+2 | 130              | 125                | ●   | 80      | 14x90                           | 22x93                           |
| 450 | 4,4 | 3,2 | 30 | 20+2+2+2 | 140              | 130                | ●   |         |                                 |                                 |
| 450 | 4,4 | 3,2 | 80 | 28+2+2+2 | 155              | 130                | ●   |         |                                 |                                 |
| 500 | 4,4 | 3,2 | 30 | 22+2+2+2 | 180              | 130                | ●   |         |                                 |                                 |
| 500 | 4,4 | 3,2 | 80 | 28+2+2+2 | 180              | 130                | ●   |         |                                 |                                 |
| 550 | 5,0 | 3,5 | 30 | 24+2+2+2 | 195              | 150                | ●   |         |                                 |                                 |
| 550 | 5,0 | 3,5 | 30 | 32+2+2+2 | 195              | 150                | ●   |         |                                 |                                 |
| 600 | 5,0 | 3,5 | 30 | 26+2+2+2 | 210              | 170                | ●   |         |                                 |                                 |
| 600 | 5,0 | 3,5 | 30 | 34+2+2+2 | 210              | 170                | ●   |         |                                 |                                 |

## 94.1 FZ - TOS, RAIMANN, COSTA

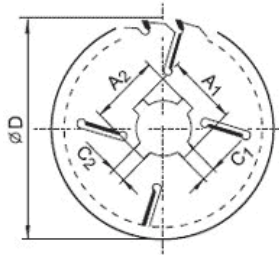
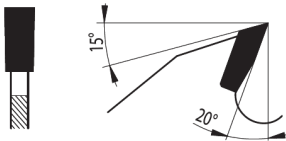


### Đặc điểm:

- Cấu tạo đặc biệt của lưỡi cưa dùng cắt dọc mọi loại gỗ khô và gỗ tươi, vết cắt đạt tiêu chuẩn máy xẻ nhiều lưỡi TOS SVITAVY

### Characteristics:

- Specially constructed multirip saw blades for longitudinal cutting of all types of wood, dry and wet, with a standard quality of the cutting edge for multirip machines by TOS SVITAVY



Đường kính lỗ trong của lưỡi cưa có thể mở rộng lên tới :

$$d_{\max} = d_{p \max} - 30 \text{ mm}$$

| D   | B   | b   | d  | z      | $h_{\max}$ | $d_{p \max}$ | ●/○ | Opening | 4 x C <sub>1</sub> x A <sub>1</sub> |
|-----|-----|-----|----|--------|------------|--------------|-----|---------|-------------------------------------|
| 300 | 3,2 | 2,2 | 80 | 18+2+2 | 90         | 105          | ●   | 80      | 13x90                               |
| 320 | 3,2 | 2,2 | 80 | 18+2+2 | 100        | 105          | ●   |         |                                     |
| 350 | 4,0 | 2,8 | 80 | 18+2+2 | 115        | 105          | ●   |         |                                     |
| 400 | 4,0 | 2,8 | 80 | 20+2+2 | 140        | 105          | ●   |         |                                     |
| 450 | 4,4 | 3,2 | 80 | 24+2+2 | 165        | 105          | ●   |         |                                     |

## 94.1 WZ - TOS, RAIMANN, COSTA

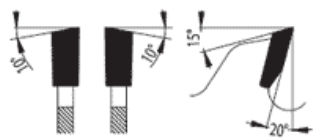


### Đặc điểm:

- Lưỡi cưa được chế tạo đặc biệt để cắt dọc mọi loại gỗ khô và gỗ tươi.  
- Thiết kế rãnh bào làm tăng khả năng cắt mịn của lưỡi cưa.  
- Dạng răng WZ đảm bảo vết cắt mịn láng, tiết kiệm năng lượng  
- Thích hợp sử dụng với loại gỗ chất lượng cao.

### Characteristics:

- Specially designed rip saw blades for longitudinal cutting of all types of wood, dry and wet  
- With its design of the wiper slots, it also offers the possibility of a smoother meshing into the cut  
- The WZ geometry ensures a smooth, stable cut with a superior quality of the cutting edge and electric energy savings  
- It is suitable to use for a higher wood quality



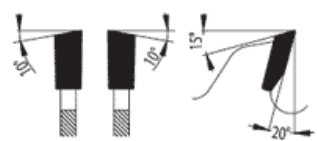
| D   | B   | b   | d  | z      | $h_{\max}$ | $d_{p \max}$ | ●/○ |
|-----|-----|-----|----|--------|------------|--------------|-----|
| 300 | 3,2 | 2,2 | 30 | 18+2+2 | 90         | 105          | ●   |
| 320 | 3,2 | 2,2 | 30 | 18+2+2 | 100        | 105          | ●   |
| 350 | 3,6 | 2,5 | 30 | 18+2+2 | 115        | 105          | ●   |
| 400 | 3,6 | 2,5 | 30 | 20+2+2 | 140        | 105          | ●   |
| 450 | 4,0 | 2,8 | 30 | 24+2+2 | 165        | 105          | ●   |



## DÙNG SẢN PHẨM CỦA CHÚNG TÔI BẠN SẼ TIẾT KIỆM ĐIỆN & NHÂN CÔNG



### 94.1 WZ - Angle Tilting Saws



#### Đặc điểm:

- Độ cao vết cắt tối đa được tính toán dựa vào số răng
- Dạng răng thiết kế chuẩn hợp lý để lưỡi cưa đạt tốc độ cắt tối đa.

#### Characteristics:

- The number of teeth is calculated for a maximum cutting height
- The tooth geometry is optimised for maximum cutting speed of the saw blades

#### STROJCAD

| D   | B   | b   | d             | z        | $h_{max}$ | ●/○ |
|-----|-----|-----|---------------|----------|-----------|-----|
| 400 | 4,2 | 3,0 | 30 + 6/17/96  | 20+2+2   | 120       | ●   |
| 400 | 4,2 | 3,0 | 55 + 6/17/112 | 20+2+2   | 105       | ●   |
| 450 | 5,0 | 3,5 | 55 + 6/17/112 | 20+2+2   | 145       | ●   |
| 500 | 5,0 | 3,5 | 55 + 6/17/112 | 22+2+2+2 | 170       | ●   |
| 550 | 5,5 | 3,5 | 30 + 6/17/96  | 24+2+2+2 | 210       | ●   |
| 550 | 5,5 | 3,5 | 55 + 6/17/112 | 24+2+2+2 | 190       | ●   |

#### WEP

| D   | B   | b   | d                   | z        | $h_{max}$ | ●/○ |
|-----|-----|-----|---------------------|----------|-----------|-----|
| 500 | 5,0 | 3,5 | 30+8/11/100+2/10/60 | 22+2+2+2 | 120       | ●   |
| 500 | 5,5 | 3,5 | 30+8/11/150+2/10/60 | 24+2+2+2 | 105       | ●   |